Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-13 10:50:23 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35/2026/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính và Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập, bao gồm:

1. Danh mục A: Vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát tối thiểu 2 - 3 lần/tuần;

2. Danh mục B: Vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát theo tình hình thực tế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 28/2015/TT-BTTTT ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Bưu chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

DANH MỤC A: VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ ĐẶC BIỆT ÁP DỤNG TẦN SUẤT THU GOM VÀ PHÁT TỐI THIỂU 2 - 3 LẦN/TUẦN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2026/TT-BKHCN ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	**3**
1	**An Giang**	Đặc khu Kiên Hải		x
		Đặc khu Phú Quốc		x
		Đặc khu Thổ Châu	x	
		Giồng Riềng		x
		Hà Tiên		x
		Hòa Điền		x
		Hòa Hưng		x
		Hòa Thuận		x
		Hòn Nghệ		x
		Long Thạnh		x
		Ngọc Chúc		x
		Sơn Hải		x
		Thạnh Hưng		x
		Tiên Hải		x
		14	**1**	**13**
2	**Cà Mau**	Biển Bạch	x	
		Cái Đôi Vàm	x	
		Đá Bạc	x	
		Đầm Dơi		x
		Đất Mới	x	
		Đất Mũi	x	
		Hưng Mỹ		x
		Khánh Bình	x	
		Khánh Hưng	x	
		Lương Thế Trân		x
		Nguyễn Việt Khái	x	
		Phan Ngọc Hiển	x	
		Phú Mỹ	x	
		Phú Tân	x	
		Quách Phẩm		x
		Sông Đốc	x	
		Tạ An Khương		x
		Tam Giang	x	
		Tân Ân	x	
		Tân Hưng		x
		Tân Lộc		x
		Tân Thuận	x	
		Tân Tiến		x
		Thanh Tùng		x
		Trần Văn Thời	x	
		Trí Phải	x	

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	**3**
2	**Cà Mau**	U Minh	x	
		27	**18**	**9**
3	**Cao Bằng**	Bạch Đằng		x
		Bảo Lạc		x
		Bảo Lâm		x
		Bế Văn Đàn		x
		Ca Thành		x
		Cần Yên		x
		Cô Ba		x
		Cốc Pàng		x
		Đình Phong		x
		Đoài Dương		x
		Hạ Lang		x
		Hòa An		x
		Hưng Đạo		x
		Huy Giáp		x
		Khánh Xuân		x
		Lũng Nặm		x
		Lý Bôn		x
		Lý Quốc		x
		Minh Tâm		x
		Nam Quang		x
		Phan Thanh		x
		Quảng Lâm		x
		Sơn Lộ		x
		Tam Kim		x
		Thạch An		x
		Thành Công		x
		Thanh Long		x
		Tổng Cọt		x
		Vinh Quý		x
		Xuân Trường		x
		Yên Thổ		x
		31	**0**	**31**
4	**Đà Nẵng**	Đắc Pring		x
		Hùng Sơn		x
		La Dêê		x
		La Êê		x
		Nam Giang		x
		Phước Chánh		x
		Phước Thành		x
		Sông Vàng		x
		Tân Hiệp		x
		Tây Giang		x
		Trà Leng		x
		Trà Linh		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
4	**Đà Nẵng**	Trà Tập		x
		Trà Vân		x
		Trà Giáp		x
		Trà Đốc		x
		Bến Hiên		x
		17	**0**	**17**
5	**Đắk Lắk**	Cư Prao		x
		Cư Pui		x
		Cư Yang		x
		Đắk Liêng		x
		Đắk Phơi		x
		Dang Kang		x
		Ea Hiao		x
		Ea Khăl		x
		Ea Knốp		x
		Ea Ô		x
		Ea Păl		x
		Ea Riêng		x
		Ea Rốk		x
		Ea Trang		x
		Ea Wy		x
		Ia Lốp		x
		Ia Lốp		x
		Krông Á		x
		Krông Nô		x
		Nam Ka		x
		Yang Mao		x
		21	**0**	**21**
6	**Điện Biên**	Chà Tở		x
		Chiềng Sinh		x
		Mường Luân		x
		Mường Mùn		x
		Mường Nhà		x
		Mường Nhé		x
		Mường Phăng		x
		Mường Toong		x
		Nà Bủng		x
		Nà Hỳ		x
		Nậm Kè		x
		Nậm Nèn		x
		Núa Ngam		x
		P. Mường Lay		x
		Pa Ham		x
		Phình Giàng		x
		Pú Nhung		x
		Quài Tở		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	**3**
6	**Điện Biên**	Quảng Lâm		x
		Sam Mứn		x
		Sáng Nhè		x
		Sín Chải		x
		Sín Thầu		x
		Sính Phình		x
		Thanh Yên		x
		Tìa Dình		x
		Tủa Thàng		x
		Xa Dung		x
		28	**0**	**28**
7	**Đồng Nai**	Bình Tân		x
		Bom Bo		x
		Bù Gia Mập	x	
		Đa Kia		x
		Đak Nhau		x
		Đăk Ơ	x	
		Đồng Phú		x
		Đồng Tâm		x
		Hưng Phước		x
		Lộc Hưng		x
		Lộc Ninh		x
		Lộc Quang		x
		Lộc Tấn	x	
		Lộc Thành	x	
		Long Hà		x
		Minh Đức		x
		Lộc Thạnh		x
		P. Minh Hưng		x
		P. Phước Long	x	
		Phú Nghĩa	x	
		Phú Trung		x
		Phước Sơn	x	
		Tân Hưng		x
		Tân Khai		x
		Tân Lợi		x
		Tân Quan		x
		Tân Tiến		x
		Thiện Hưng		x
		Thọ Sơn	x	
		Thuận Lợi		x
		30	**8**	**22**
8	**Gia Lai**	An Toàn		x
		Đak Rong		x
		Đak Sơmei		x
		Ia Dreh		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	**3**
8	**Gia Lai**	Ia Lâu		x
		Ia Mơ		x
		Uar		x
		Vĩnh Sơn		x
		Canh Liên		x
		9	**0**	**9**
9	**Hà Tĩnh**	Phúc Trạch		x
		Vũ Quang		x
		2	**0**	**2**
10	**Hải Phòng**	Đặc khu Cát Hải		x
		1	**0**	**1**
11	**Lai Châu**	Bum Nưa		x
		Bum Tở		x
		Dào San	x	
		Hồng Thu	x	
		Hua Bum		x
		Khoen On		x
		Khun Há		x
		Lê Lợi	x	
		Mù Cả		x
		Mường Kim		x
		Mường Mô		x
		Mường Tè		x
		Nậm Cuổi	x	
		Nậm Hàng		x
		Nậm Mạ	x	
		Nậm Sỏ		x
		Nậm Tăm	x	
		P. Tân Phong		x
		Pa Tần	x	
		Pa Ủ		x
		Pu Sam Cáp	x	
		Sì Lở Lầu	x	
		Sin Suối Hồ	x	
		Tà Tổng		x
		Thu Lũm		x
		Tủa Sín Chải		x
		26	**10**	**16**
12	**Lâm Đồng**	Đặc khu Phú Quý		x
		Hàm Thạnh		x
		Phan Sơn		x
		3	**0**	**3**
13	**Lạng Sơn**	Châu Sơn		x
		Công Sơn		x
		Đoàn Kết		x
		Kiên Mộc		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	**3**
13	**Lạng Sơn**	Mẫu Sơn		x
		Nhất Hòa		x
		Quý Hòa		x
		Thái Bình		x
		Thiện Hòa		x
		Xuân Dương		x
		10	**0**	**10**
14	**Lào Cai**	A Mú Sung		x
		Bắc Hà		x
		Bản Liền		x
		Bảo Hà		x
		Bảo Nhai		x
		Cảm Nhân		x
		Cao Sơn		x
		Chế Tạo		x
		Cốc Lầu		x
		Dền Sáng		x
		Khao Mang		x
		Lâm Thượng		x
		Lùng Phình		x
		Minh Lương		x
		Mỏ Vàng		x
		Mường Bo		x
		Mường Khương		x
		Mường Lai		x
		Nậm Xé		x
		Ngũ Chỉ Sơn		x
		Pha Long		x
		Phình Hồ		x
		Phong Dụ Hạ		x
		Phong Dụ Thượng		x
		Sín Chéng		x
		Sơn Lương		x
		Tả Củ Tỷ		x
		Tân Hợp		x
		Y Tý		x
		29	**0**	**29**
15	**Nghệ An**	Bắc Lý		x
		Bình Chuẩn		x
		Châu Lộc		x
		Chiêu Lưu		x
		Hùng Chân		x
		Huồi Tụ		x
		Hữu Khuông	x	
		Hữu Kiệm		x
		Keng Đu	x	

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	**3**
15	**Nghệ An**	Mường Lống		x
		Mường Quàng		x
		Mường Típ		x
		Mường Xén		x
		Mỹ Lý		x
		Na Loi	x	
		Na Ngoi		x
		Nậm Cắn		x
		Nga My		x
		Nhôn Mai	x	
		Quế Phong		x
		Quỳ Châu		x
		Tam Hợp		x
		Thông Thụ		x
		Tri Lễ		x
		Yên Hòa		x
		Yên Na		x
		26	**4**	**22**
16	**Phú Thọ**	Đà Bắc		x
		Đức Nhàn		x
		Mai Châu		x
		Mường Vang		x
		Nật Sơn		x
		Ngọc Sơn		x
		P. Kỳ Sơn		x
		Pà Cò		x
		Quy Đức		x
		Tân Mai		x
		Thượng Cốc		x
		Tiền Phong		x
		Vân Sơn		x
		Yên Phú		x
		14	**0**	**14**
17	**Quảng Ngãi**	Ba Tô		x
		Đăk Kôi		x
		Đăk Mar		x
		Đăk Rơ Wa		x
		Đăk Sao		x
		Đặng Thùy Trâm		x
		Ia Đal	x	
		Ia Tơi	x	
		Kon Plông		x
		Măng Bút		x
		Măng Đen		x
		Măng Ri		x
		Mô Rai		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	**3**
17	**Quảng Ngãi**	Ngọc Linh		x
		Sơn Tây Hạ		x
		15	**2**	**13**
18	**Quảng Ninh**	Bình Liêu		x
		Cái Chiên		x
		Đặc khu Vân Đồn		x
		Điền Xá		x
		Đường Hoa		x
		Đông Ngũ		x
		Hải Ninh		x
		Hải Sơn		x
		Hoành Mô		x
		Kỳ Thượng		x
		Lương Minh		x
		Quảng Đức		x
		Quảng La		x
		Thống Nhất		x
		Tiên Yên		x
		Vĩnh Thực		x
		16	**0**	**16**
19	**Quảng Trị**	A Dơi		x
		Ba Lòng		x
		Bến Quan		x
		Đặc khu Cồn Cỏ		x
		Đakrông		x
		Hướng Lập		x
		Hướng Phùng		x
		Kim Ngân		x
		La Lay		x
		Lìa		x
		Tà Rụt		x
		Tân Lập		x
		Thượng Trạch		x
		Trường Sơn		x
		Tuyên Bình		x
		Tuyên Lâm		x
		Tuyên Sơn		x
		17	**0**	**17**
20	**Sơn La**	Bắc Yên		x
		Bó Sinh		x
		Chiềng Hoa		x
		Chiềng Khoong		x
		Chiềng Lao		x
		Chiềng Sại		x
		Chiềng Sơn		x
		Co Mạ	x	

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	**3**
20	**Sơn La**	Đoàn Kết		x
		Gia Phù		x
		Huổi Một		x
		Kim Bon		x
		Long Hẹ	x	
		Lóng Phiêng		x
		Lóng Sập		x
		Mường Bám	x	
		Mường Bang		x
		Mường Chiên		x
		Mường Cơi		x
		Mường Giôn		x
		Mường Khiêng	x	
		Mường La		x
		Mường Lầm		x
		Mường Lạn		x
		Mường Lèo		x
		Mường Sại		x
		Nậm Ty		x
		Ngọc Chiến		x
		Pắc Ngà		x
		Phiêng Cằm		x
		Phiêng Pằn		x
		Púng Bánh		x
		Quỳnh Nhai		x
		Song Khủa		x
		Sốp Cộp		x
		Suối Tọ		x
		Tạ Khoa		x
		Tà Xùa		x
		Tân Phong		x
		Tân Yên		x
		Tô Múa		x
		Tường Hạ		x
		Vân Hồ		x
		Xím Vàng		x
		Xuân Nha		x
		45	**4**	**41**
21	**Thanh Hóa**	Bá Thước		x
		Bát Mọt		x
		Cẩm Tân		x
		Cẩm Thạch		x
		Cẩm Thủy		x
		Cẩm Tú		x
		Cẩm Vân		x
		Cổ Lũng		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
21	**Thanh Hóa**	Công Chính		x
		Điền Lư		x
		Điền Quang		x
		Đồng Lương		x
		Giao An		x
		Hiền Kiệt		x
		Hoa Lộc		x
		Hóa Quỳ		x
		Hồi Xuân		x
		Linh Sơn		x
		Luận Thành		x
		Lương Sơn		x
		Mậu Lâm		x
		Mường Chanh		x
		Mường Lát		x
		Mường Lý		x
		Mường Mìn		x
		Na Mèo		x
		Nam Xuân		x
		Nhi Sơn		x
		Như Xuân		x
		Phú Lệ		x
		Phú Xuân		x
		Pù Luông		x
		Pù Nhi		x
		Quan Sơn		x
		Quang Chiểu		x
		Quý Lương		x
		Sao Vàng		x
		Sơn Điện		x
		Sơn Thủy		x
		Tam Chung		x
		Tam Lư		x
		Tam Thanh		x
		Tân Thành		x
		Thắng Lợi		x
		Thanh Kỳ		x
		Thanh Phong		x
		Thanh Quân		x
		Thiên Phủ		x
		Thiết Ống		x
		Thượng Ninh		x
		Thường Xuân		x
		Trung Hạ		x
		Trung Lý		x
		Trung Sơn		x

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
21	**Thanh Hóa**	Văn Nho		x
		Văn Phú		x
		Vạn Xuân		x
		Xuân Bình		x
		Xuân Chinh		x
		Xuân Thái		x
		Yên Khương		x
		Yên Nhân		x
		Yên Thắng		x
		Trung Thành		x
		Thắng Lộc		x
		Thành Vinh		x
		Thạch Quảng		x
		Nguyệt Ấn		x
		Thọ Bình		x
		69	**0**	**69**
22	**Tuyên Quang**	Bắc Mê	x	
		Bạch Đích		x
		Bạch Ngọc	x	
		Bản Máy	x	
		Bằng Hành	x	
		Cán Tỷ	x	
		Cao Bồ	x	
		Đồng Tâm	x	
		Đồng Văn	x	
		Du Già	x	
		Đường Hồng	x	
		Đường Thượng	x	
		Giáp Trung	x	
		Hồ Thầu		x
		Hoàng Su Phì	x	
		Khâu Vai	x	
		Khuôn Lùng		x
		Lao Chải	x	
		Liên Hiệp		x
		Linh Hồ		x
		Lũng Cú	x	
		Lũng Phìn	x	
		Lùng Tám		x
		Mậu Duệ	x	
		Mèo Vạc	x	
		Minh Ngọc	x	
		Minh Sơn	x	
		Minh Tân	x	
		Nấm Dẩn	x	
		Nậm Dịch	x	

STT	Tỉnh/TP	Xã	Tần suất thu gom và phát tối thiểu (lần/tuần)	
			2	3
22	**Tuyên Quang**	Nghĩa Thuận	x	
		Ngọc Long	x	
		Niêm Sơn	x	
		Pà Vầy Sủ	x	
		Phố Bảng	x	
		Pờ Ly Ngài	x	
		Quản Bạ		x
		Quang Bình		x
		Quảng Nguyên	x	
		Sà Phìn	x	
		Sơn Vĩ	x	
		Sủng Máng	x	
		Tân Quang	x	
		Tân Tiến	x	
		Tát Ngà	x	
		Thắng Mố	x	
		Thàng Tín	x	
		Thanh Thủy	x	
		Thông Nguyên		x
		Thuận Hòa	x	
		Thượng Sơn	x	
		Tiên Nguyên	x	
		Tiên Yên	x	
		Trung Thịnh	x	
		Tùng Bá		x
		Tùng Vài	x	
		Việt Lâm		x
		Lũng Phìn	x	
		Xín Mần		x
		Xuân Giang	x	
		Yên Cường	x	
		Yên Minh		x
		Yên Thành	x	
		63	**50**	**13**
	TỔNG CỘNG	**513**	**97**	**416**

DANH MỤC B: VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ ĐẶC BIỆT ÁP DỤNG TẦN SUẤT THU GOM VÀ PHÁT THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2026/TT-BKHCN ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tỉnh/Thành phố	Xã	Tần suất thu gom và phát
1	TP. Hồ Chí Minh	Đặc khu Côn Đảo	Theo tình hình thực tế
2	Khánh Hòa	Đặc khu Trường Sa	
3	TP. Đà Nẵng	Đặc khu Hoàng Sa	
4	Hải Phòng	Đặc khu Bạch Long Vĩ	
5	Quảng Ninh	Đặc khu Cô Tô	
6	Quảng Ngãi	Đặc khu Lý Sơn	